



Tài chính

BẢN TIN TÀI CHÍNH - KINH DOANH

Tháng 4/2020

✓ CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH MỚI:

- Tài chính nhà nước, thuế, hải quan
- Kế toán, kiểm toán
- Tài chính doanh nghiệp
- Tín dụng - ngân hàng - chứng khoán
- Bảo hiểm xã hội, tiền công, tiền lương

✓ THÔNG TIN DOANH NGHIỆP CẦN QUAN TÂM

✓ THÔNG TIN HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

4

CHÍNH SÁCH MỚI

Trích yếu nội dung chủ yếu của các chế độ, chính sách mới ban hành trong lĩnh vực tài chính

27

THÔNG TIN CẦN QUAN TÂM

Triển khai khoan, xóa nợ thuế, các đối tượng nộp thuế được xử lý nợ thuế

12

HƯỚNG DẪN CHÍNH SÁCH

Những điều cần biết về hóa đơn điện tử

33

THÔNG TIN VỀ HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

Thực thi các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới

CHÍNH SÁCH MỚI

TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC

- 1. Quyết định số 437/QĐ-TTg ngày 30/03/2020 về nguyên tắc hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương trong phòng, chống dịch Covid-19 do Thủ tướng Chính phủ ban hành. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.**

Quyết định này quy định nguyên tắc hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương trong phòng, chống dịch Covid-19.

- 2. Nghị quyết số 37/NQ-CP ngày 29/03/2020 về chế độ đặc thù trong phòng, chống dịch COVID-19 do Chính phủ ban hành. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.**

Nghị quyết này áp dụng một số chế độ đặc thù trong phòng, chống dịch COVID-19 như sau: Tiền ăn của người bị áp dụng biện pháp cách ly y tế; Mức hỗ trợ tiền ăn là 80.000 đồng/ngày trong thời gian cách ly y tế...

- 3. Quyết định số 417/QĐ-TTg ngày 25/03/2020 về giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2016-2020 và năm 2020 từ nguồn tăng thu ngân sách trung ương năm 2018 do Thủ tướng Chính phủ ban hành. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.**

Quyết định này giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2016-2020 và năm 2020 từ nguồn tăng thu ngân sách trung ương năm 2018.

- 4. Quyết định số 1351/QĐ-BYT ngày 25/03/2020 về công bố công khai**

quyết toán ngân sách năm 2018 của Bộ Y tế. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Quyết định công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2018.

- 5. Quyết định số 409/QĐ-BTC ngày 25/03/2020 về tài sản đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ Tài chính, thuộc các đơn vị, hệ thống thuộc Bộ Tài chính có giá trị lớn thuộc thẩm quyền Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.**

Quyết định về tài sản đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ Tài chính, thuộc các đơn vị, hệ thống thuộc Bộ Tài chính có giá trị lớn thuộc thẩm quyền Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công. Quyết định có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

- 6. Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 24/03/2020 về chính sách hỗ trợ xã An toàn khu, vùng An toàn khu cách mạng trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ do Thủ tướng Chính phủ ban hành. Chỉ thị có hiệu lực thi hành từ ngày ký.**

Chỉ thị này về chính sách hỗ trợ xã An toàn khu, vùng An toàn khu cách mạng trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ.

- 7. Quyết định số 573/QĐ-BTP về công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 do Bộ Tư pháp ban hành. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.**

Quyết định này về công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2020.



8. Thông tư số 14/2020/TT-BTC ngày 18/03/2020 sửa đổi Thông tư số 127/2018/TT-BTC quy định về giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại Sở giao dịch chứng khoán và Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam nhằm hỗ trợ các tổ chức, cá nhân liên quan chịu ảnh hưởng do dịch Covid-19 do Bộ Tài chính ban hành.

Thông tư này sửa đổi Thông tư số 127/2018/TT-BTC quy định về giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại Sở giao dịch chứng khoán và Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam nhằm hỗ trợ các tổ chức, cá nhân liên quan chịu ảnh hưởng do dịch Covid-19.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19/3/2020.

9. Nghị quyết số 31/NQ-CP ngày 17/03/2020 về xây dựng Nghị định quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập do Chính phủ ban hành. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Nghị quyết về xây dựng Nghị định quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

10. Quyết định số 345/QĐ-BTC ngày 16/03/2020 về phê duyệt Đề án áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính tại Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Quyết định này phê duyệt Đề án áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính tại Việt Nam.

11. Quyết định số 471/QĐ-BTP ngày 10/03/2020 công bố công khai tình hình xử lý, quản lý và sử dụng tài sản công năm 2019 của Bộ Tư pháp. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Quyết định này công bố công khai tình hình xử lý, quản lý và sử dụng tài sản công năm 2019.

12. Nghị định số 31/2020/NĐ-CP ngày 05/03/2020 sửa đổi Nghị định số 115/2013/NĐ-CP quy định về quản lý, bảo quản tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ, tịch thu theo thủ tục hành chính.

Nghị định này sửa đổi Nghị định số 115/2013/NĐ-CP quy định về quản lý, bảo quản tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ, tịch thu theo thủ tục hành chính.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/05/2020.

13. Thông tư số 05/2020/TT-BTTTT ngày 05/03/2020 quy định về giá cước kết nối cuộc gọi thoại giữa hai mạng viễn thông di động mặt đất toàn quốc và giữa mạng viễn thông cố định mặt đất nội hạt với mạng viễn thông di động mặt đất toàn quốc do Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành.

Thông tư này quy định về giá cước kết nối cuộc gọi thoại giữa hai mạng viễn thông di động mặt đất toàn quốc và giữa mạng viễn thông cố định mặt đất nội hạt với mạng viễn thông di động mặt đất toàn quốc.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/05/2020.

14. Văn bản hợp nhất 01/VBHN-BXD ngày 04/03/2020 hợp nhất Quyết định về chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011-2015 (Chương trình hỗ trợ nghèo về nhà ở theo Quyết định 167/2008/QĐ-TTg giai đoạn 2) do Bộ Xây dựng ban hành.

Văn bản này hợp nhất Quyết định về chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ



nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011-2015 (Chương trình hỗ trợ nghèo về nhà ở theo Quyết định 167/2008/QĐ-TTg giai đoạn 2).

15. Quyết định số 276/QĐ-BTC ngày 28/02/2020 về phê duyệt, tổ chức thực hiện giải pháp liên quan đến công tác quản lý thuế tại Đề án Mở rộng cơ sở thuế và chống xói mòn nguồn thu ngân sách nhà nước do Bộ Tài chính ban hành. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Quyết định này phê duyệt, tổ chức thực hiện giải pháp liên quan đến công tác quản lý thuế tại Đề án Mở rộng cơ sở thuế và chống xói mòn nguồn thu ngân sách nhà nước.

Theo đó, thuế chống bán phá giá tạm thời đối với một số sản phẩm plastic và sản phẩm bằng plastic được làm từ các polyme từ propylen thuộc các mã HS sau: 3920.20.10 và 3920.20.91 có xuất xứ từ Trung Quốc, Thái Lan và Malaysia.

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25/3/2020.

3. Quyết định số 881/QĐ-BCT ngày 18/3/2020 về áp dụng thuế chống bán phá giá tạm thời đối với sản phẩm bột ngọt có xuất xứ từ Trung Quốc và Indonesia do Bộ Công Thương ban hành.

Quyết định nêu rõ việc áp dụng thuế chống bán phá giá tạm thời đối với một số sản phẩm bột ngọt, phân loại theo mã HS 2922.42.20, được nhập khẩu vào Việt Nam, có xuất xứ từ Trung Quốc và Indonesia.

Quyết định có hiệu lực thi hành ngày 25/3/2020.

4. Quyết định số 731/QĐ-BCT ngày 4/3/2020 về đính chính Thông tư số 04/2020/TT-BCT quy định về đấu giá hạn ngạch thuế quan nhập khẩu ô tô đã qua sử dụng theo Hiệp định Đối tác toàn diện và Tiến bộ Xuyên Thái Bình Dương do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và là một phần không tách rời của Thông tư số 04/2020/TT-BCT ngày 22/01/2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về đấu giá hạn ngạch thuế quan nhập khẩu ô tô đã qua sử dụng theo Hiệp định Đối tác toàn diện và Tiến bộ Xuyên Thái Bình Dương.

5. Thông tư số 12/2020/TT-BTC ngày 03/3/2020 sửa đổi mục II phần A Biểu mức thu phí kèm theo Thông tư số 167/2016/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành.

THUẾ, PHÍ

1. Chỉ thị số 03/CT-BTC ngày 19/3/2020 về thực hiện Nghị quyết số 94/2019/QH14 về khoan nợ tiền thuế, xóa nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp đối với người nộp thuế không còn khả năng nộp ngân sách nhà nước do Bộ Tài chính ban hành.

Nghị quyết số 94/2019/QH14 về khoan nợ tiền thuế, xóa nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp đối với người nộp thuế không còn khả năng nộp ngân sách nhà nước có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2020 và được tổ chức thực hiện trong thời hạn 03 năm kể từ ngày có hiệu lực.

Chỉ thị này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2020.

2. Quyết định số 880/QĐ-BCT ngày 18/3/2020 về áp dụng thuế chống bán phá giá tạm thời đối với sản phẩm plastic và sản phẩm bằng plastic được làm từ các polyme từ propylen có xuất xứ từ Trung Quốc, Thái Lan và Malaysia do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành.



Thông tư này sửa đổi mục II phần A Biểu mức thu phí kèm theo Thông tư số 167/2016/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 17/4/2020.

6. Quyết định số 276/QĐ-BTC ngày 28/02/2020 về phê duyệt, tổ chức thực hiện giải pháp liên quan đến công tác quản lý thuế tại Đề án Mở rộng cơ sở thuế và chống xói mòn nguồn thu ngân sách nhà nước do Bộ Tài chính ban hành.

Quyết định này phê duyệt, tổ chức thực hiện giải pháp liên quan đến công tác quản lý thuế tại Đề án Mở rộng cơ sở thuế và chống xói mòn nguồn thu ngân sách nhà nước.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

THUẾ VỚI HÀNG HÓA XUẤT, NHẬP KHẨU

1. Quyết định số 987/QĐ-BCT ngày 25/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành về thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành đi làm việc với địa phương và doanh nghiệp xuất khẩu gạo chủ chốt để rà soát, kiểm tra, đánh giá về nguồn cung thóc gạo, tình hình xuất khẩu gạo, thực hiện dự trữ lưu thông và tình hình thực hiện hợp đồng xuất khẩu gạo.

Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành đi làm việc với các địa phương và doanh nghiệp xuất khẩu gạo chủ chốt để rà soát, kiểm tra, đánh giá về nguồn cung thóc gạo, tình hình xuất khẩu gạo, thực hiện dự trữ lưu thông và tình hình thực hiện hợp đồng xuất khẩu gạo.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25/3/2020.

2. Kế hoạch số 2280/VPCP-NN ngày 25/3/2020 về kiểm tra, đánh giá nguồn cung và tình hình xuất khẩu gạo do Văn phòng Chính phủ ban hành.

Quyết định giao Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính và các cơ quan liên quan thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành để làm việc với các địa phương và các doanh nghiệp xuất khẩu gạo chủ chốt, rà soát, kiểm tra, đánh giá về nguồn cung thóc gạo, tình hình xuất khẩu gạo và thực hiện dự trữ lưu thông, tình hình thực hiện hợp đồng xuất khẩu gạo; trên cơ sở đó, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc điều chỉnh hoạt động xuất khẩu gạo theo đúng quy định của Luật quản lý ngoại thương.

Kế hoạch có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25/3/2020.

3. Thông tư số 06/2020/TT-BCT ngày 24/3/2020 sửa đổi Thông tư 03/2019/TT-BCT quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành.

Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều: khoản 4 và khoản 5 Điều 29; và Điều 33. Tổ chức thực hiện và hiệu lực thi hành của Thông tư số 03/2019/TT-BCT. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08/5/2020.

4. Quyết định số 918/QĐ-BCT ngày 20/3/2020 về gia hạn áp dụng biện pháp tự vệ đối với sản phẩm phiê thép và thép dài nhập khẩu do Bộ Công Thương ban hành.

Quyết định này quy định gia hạn áp dụng biện pháp tự vệ đối với sản phẩm



phôi thép và thép dài có mã HS:7207.11.00;7207.19.00;7207.20.29;7207.20.99;7224.90.00;7213.10.10;7213.10.90; 7213.91.20; 7214.20.31; 7214.20.41; 7227.90.00; 7228.30.10; 9811.00.00 nhập khẩu vào Việt Nam với nội dung chi tiết nêu trong Thông báo gửi kèm theo Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22/3/2020.

5. Quyết định số 880/QĐ-BCT ngày 18/3/2020 về áp dụng thuế chống bán phá giá tạm thời đối với sản phẩm plastic và sản phẩm bằng plastic được làm từ các polyme từ propylen có xuất xứ từ Trung Quốc, Thái Lan và Malaysia do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành.

Quyết định quy định việc áp dụng thuế chống bán phá giá tạm thời đối với một số sản phẩm plastic và sản phẩm bằng plastic được làm từ các polyme từ propylen thuộc các mã HS sau: 3920.20.10 và 3920.20.91 có xuất xứ từ Trung Quốc, Thái Lan và Malaysia (mã vụ việc: AD07) với nội dung chi tiết nêu tại Thông báo kèm theo Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25/3/2020.

6. Quyết định số 868/QĐ-BYT 11/3/2020 quy định về việc cấp giấy phép xuất khẩu đối với mặt hàng khẩu trang y tế trong giai đoạn phòng, chống dịch COVID-19 do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành.

Quyết định này quy định việc cấp giấy phép xuất khẩu đối với mặt hàng khẩu trang y tế trong giai đoạn phòng, chống dịch COVID-19.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 11/3/2020.

7. Thông tư số 13/2020/TT-BTC ngày 06/3/2020 sửa đổi Thông tư số 13/2015/TT-BTC quy định về kiểm tra, giám sát, tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ; kiểm soát hàng giả và hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ do Bộ Tài chính ban hành.

Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/4/2020.

8. Quyết định số 715/QĐ-BCT ngày 03/3/2020 về gia hạn áp dụng biện pháp tự vệ đối với sản phẩm phân bón DAP, MAP nhập khẩu do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành.

Quyết định hướng dẫn gia hạn áp dụng biện pháp tự vệ đối với sản phẩm phân bón DAP, MAP có mã HS: 3105.10.20; 3105.10.90; 3105.20.00; 3105.30.00; 3105.40.00; 3105.51.00; 3105.59.00; 3105.90.00 nhập khẩu vào Việt Nam với nội dung chi tiết nêu trong Thông báo gửi kèm theo Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 07/3/2020.

| KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN

1. Quyết định số 384/QĐ-BTC ngày 23/03/2020 về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài chính do Bộ Tài chính ban hành.

Công bố kèm theo Quyết định này 02 thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài chính.

Đồng thời, bãi bỏ thủ tục hành chính số thứ tự 1 Phần I Phụ lục tại Quyết định số 1837/QĐ-BTC ngày 18/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và thủ tục hành chính số thứ tự 16 Phần I Phụ lục tại Quyết định số 2083/QĐ-BTC ngày 29/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.



2. Văn bản hợp nhất số 06/VBHN-BTC ngày 05/02/2020 hợp nhất Thông tư hướng dẫn về thu, nộp khoản đóng góp bắt buộc, chế độ quản lý tài chính và chế độ hạch toán, kế toán đối với Quỹ phòng, chống tác hại của thuốc lá do Bộ Tài chính ban hành.

Văn bản này được hợp nhất từ 02 Thông tư sau:

- Thông tư số 45/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thu, nộp khoản đóng góp bắt buộc, chế độ quản lý tài chính và chế độ hạch toán, kế toán đối với Quỹ phòng, chống tác hại của thuốc lá, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 31 tháng 5 năm 2014.

- Thông tư số 72/2019/TT-BTC ngày 14 tháng 10 năm 2019 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 6 Thông tư số 45/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2014 hướng dẫn về thu, nộp khoản đóng góp bắt buộc, chế độ quản lý tài chính và chế độ hạch toán, kế toán đối với Quỹ phòng, chống tác hại của thuốc lá, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019 (Sau đây gọi là Thông tư số 72/2019/TT-BTC).

Văn bản hợp nhất này không thay thế 02 Thông tư nêu trên.

3. Văn bản hợp nhất số 04/VBHN-BTC ngày 20/01/2020 hợp nhất Thông tư hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành.

Văn bản này được hợp nhất từ 03 Thông tư sau:

- Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05/02/2015.

- Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/5/2015 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Điều 128 Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 14 tháng 7 năm 2015 (Sau đây gọi là Thông tư số 75/2015/TT-BTC).

- Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21 tháng 3 năm 2016 (Sau đây gọi là Thông tư số 53/2016/TT-BTC).

Văn bản hợp nhất này không thay thế 03 Thông tư nêu trên.

TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

1. Kế hoạch số 49/KH-UBND ngày 28/2/2020 về Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên địa bàn TP. Hà Nội đến năm 2025.

Kế hoạch này yêu cầu: Việc xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch phải bám sát các quy định tại Nghị định số 13/2019/NĐ-CP; Nội dung hỗ trợ phải thiết thực, gắn với hoạt động đổi mới công nghệ trong doanh nghiệp; Mức hỗ trợ thực hiện theo quy định hiện hành; Phân công rõ nhiệm vụ các sở, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã và các đơn vị liên quan trong việc chủ trì, phối hợp thực hiện, đảm bảo tính hiệu quả, phát huy được vai trò của các cấp, các ngành trong quá trình thực hiện.

2. Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 26/2/2020 sửa đổi Nghị quyết số 97/NQ-CP về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TW về tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước do Chính phủ ban hành.

Nghị quyết này sửa đổi Nghị quyết số 97/NQ-CP về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TW về tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

TÍN DỤNG - NGÂN HÀNG – CHỨNG KHOÁN

1. Quyết định số 423/QĐ-NHNN ngày 16/03/2020 về mức lãi suất tiền gửi của Kho bạc Nhà nước, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Quyết định quy định về mức lãi suất áp dụng đối với tiền gửi của Kho bạc Nhà nước, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam như sau: Đối với tiền gửi bằng đồng Việt Nam của Kho bạc Nhà nước: 1,0%/



năm; đối với tiền gửi bằng ngoại tệ của Kho bạc Nhà nước: 0,05%/năm; đối với tiền gửi bằng đồng Việt Nam của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam: 1,0%/năm.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 17/03/2020.

2. Quyết định số 422/QĐ-NHNN ngày 16/03/2020 về mức lãi suất tiền gửi bằng đồng Việt Nam của Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Chính sách xã hội, Quỹ tín dụng nhân dân, Tổ chức tài chính vi mô tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Quyết định này quy định mức lãi suất áp dụng đối với tiền gửi bằng đồng Việt Nam của Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Chính sách xã hội, Quỹ tín dụng nhân dân, Tổ chức tài chính vi mô tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam như sau:

1. Đối với tiền gửi của Ngân hàng Phát triển Việt Nam: 1,0%/năm.
2. Đối với tiền gửi của Ngân hàng Chính sách xã hội: 1,0%/năm.
3. Đối với tiền gửi của Quỹ tín dụng nhân dân: 1,0%/năm.
4. Đối với tiền gửi của Tổ chức tài chính vi mô: 1,0%/năm.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 17/03/2020.

3. Quyết định số 421/QĐ-NHNN ngày 16/03/2020 về mức lãi suất tiền gửi dự trữ bắt buộc và tiền gửi vượt dự trữ bắt buộc của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Quyết định quy định về mức lãi suất tiền gửi dự trữ bắt buộc và tiền gửi vượt dự trữ bắt buộc của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại ngân hàng nhà nước Việt Nam.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 17/03/2020.

4. Quyết định số 420/QĐ-NHNN ngày 16/03/2020 về mức lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng đồng Việt Nam của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng vay để đáp ứng nhu cầu

vốn phục vụ một số lĩnh vực, ngành kinh tế theo quy định tại Thông tư số 39/2016/TT-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành.

Quyết định này quy định về mức lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng đồng Việt Nam theo quy định tại Khoản 2, Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/ 12/ 2016 như sau: Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (trừ Quỹ tín dụng nhân dân và Tổ chức tài chính vi mô) áp dụng mức lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng đồng Việt Nam là 5,5%/năm;

Quỹ tín dụng nhân dân và Tổ chức tài chính vi mô áp dụng mức lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng đồng Việt Nam là 6,5%/năm.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 17/03/2020.

5. Quyết định số 419/QĐ-NHNN ngày 16/03/2020 về mức lãi suất tối đa đối với tiền gửi bằng đồng Việt Nam của tổ chức, cá nhân tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định tại Thông tư 07/2014/TT-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành.

Quyết định này quy định mức lãi suất tối đa đối với tiền gửi bằng đồng Việt Nam của tổ chức (trừ tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) và cá nhân tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định tại Thông tư số 07/2014/TT-NHNN ngày 17/3/2014.

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 17/03/2020.

6. Quyết định số 418/QĐ-NHNN ngày 16/03/2020 về lãi suất tái cấp vốn, lãi suất tái chiết khấu, lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt vốn trong thanh toán bù trừ của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với các ngân hàng.

Quyết định này Quy định các mức lãi suất của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam như sau: Lãi suất tái cấp vốn: 5,0%/năm; Lãi suất tái chiết khấu: 3,5%/năm; Lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt vốn trong thanh toán bù trừ của Ngân hàng Nhà



nước Việt Nam đối với các ngân hàng: 6,0%/năm.
Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 17/03/2020.

7. Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ngày 13/03/2020 quy định về tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng do dịch Covid-19 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành.

Thông tư này quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid - 19.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 13/03/2020.

| BẢO HIỂM XÃ HỘI, TIỀN CÔNG, TIỀN LƯƠNG

1. Quyết định số 199/QĐ-BCĐCCTLBHXH ngày 25/3/2020 của Ban Chỉ đạo Trung ương về cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và ưu đãi người có công ban hành Quy chế làm việc của Ban Chỉ đạo Trung ương về cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và ưu đãi người có công.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 157/QĐ-BCĐCCTLBHXH ngày 21/ 3/2017. Quyết định ban hành kèm theo Quy chế làm việc của Ban Chỉ đạo Trung ương về cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và ưu đãi người có công.

2. Công văn số 1064/LĐT BXH-QHLĐTL ngày 25/3/2020 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn trả lương ngừng việc và giải quyết chế độ cho người lao động trong thời gian ngừng việc liên quan đến dịch bệnh Covid-19.

Theo đó, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đề nghị Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn các doanh nghiệp trên địa bàn thực hiện trả lương ngừng việc căn cứ vào quy định tại Điều 98 của Bộ luật Lao động để xem xét các trường hợp gây ra ngừng việc (do lỗi của người sử dụng lao động hay người lao động hay do nguyên nhân khách quan) để xác định trả lương ngừng việc cho người lao động...

3. Công văn số 972/BHXH-TCKT ngày 25/3/2020 của Bảo hiểm Xã hội Việt Nam về việc thực hiện chi trả lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp hàng tháng qua hệ thống bưu điện trong thời gian phòng, chống dịch Covid-19.

Theo đó, Bảo hiểm Xã hội Việt Nam đề nghị Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam, bảo hiểm xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện chi trả lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp hàng tháng tại các cơ sở bưu điện trong thời gian phòng, chống dịch Covid-19 theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ bắt đầu từ kỳ chi trả lương hưu, trợ cấp BHXH tháng 4/2020; người hưởng chủ động lựa chọn thời gian phù hợp theo thông báo của cơ quan bưu điện, mang thẻ chi trả đến các bưu cục của bưu điện để nhận tiền...

4. Công văn số 902/BHXH-CSYT ngày 20/3/2020 của Bảo hiểm Xã hội Việt Nam về việc cấp thuốc điều trị ngoại trú đối với các trường hợp mắc bệnh mãn tính, điều trị dài ngày trong thời gian chống dịch Covid-19.

Theo Công văn, Bảo hiểm Xã hội Việt Nam đề nghị Bảo hiểm xã hội các tỉnh thống nhất với các cơ sở khám chữa bệnh bảo hiểm y tế trên địa bàn như sau: Đối với các trường hợp người bệnh được chẩn đoán mắc các bệnh mãn tính như Đái tháo đường, Tăng huyết áp... đang được các cơ sở khám chữa bệnh khám, cấp thuốc điều trị ngoại trú theo hàng tháng, khi đến khám lại theo hẹn sẽ được cấp thuốc điều trị ngoại trú đủ dùng trong 02 tháng và hẹn khám lại cho người bệnh 02 tháng một lần nếu vẫn đảm bảo an toàn cho người bệnh và không ảnh hưởng tới liệu trình điều trị bệnh...



5. Công văn số 860/BHXH-BT ngày 17/3/2020 của Bảo hiểm Xã hội Việt Nam về việc tạm dừng đóng vào Quỹ Hưu trí và tử tuất đối với đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19.

Theo đó, để triển khai thực hiện Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 4/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ, Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam yêu cầu BHXH tỉnh, thành phố tiếp nhận, giải quyết ngay hồ sơ đề nghị tạm dừng đóng vào Quỹ Hưu trí và tử tuất đến tháng 6/2020 khi nhận được hồ sơ đề nghị của doanh nghiệp và không tính lãi theo quy định. Trong trường hợp đến hết tháng 6/2020 dịch Covid-19 vẫn chưa thuyên giảm, nếu doanh nghiệp có đề nghị thì kịp thời phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính báo cáo UBND tỉnh, thành phố gửi BHXH Việt Nam để xem xét, giải quyết tạm dừng đóng vào Quỹ Hưu trí và tử tuất đến tháng 12/2020...

6. Công văn số 797/LĐTBXH-BHXH ngày 9/3/2020 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn việc tạm dừng đóng vào Quỹ Hưu và tử tuất đối với doanh nghiệp gặp khó khăn do dịch Covid-19.

Công văn nêu rõ, trong thời gian xảy ra dịch cho đến khi Thủ tướng Chính phủ có quyết định công bố hết dịch Covid-19, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đề nghị các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong phạm vi quản lý, hướng dẫn doanh nghiệp gặp khó khăn do dịch Covid-19 nếu đủ điều kiện

thì thực hiện tạm dừng đóng vào Quỹ Hưu trí và tử tuất tối đa 12 tháng theo quy định tại khoản 1 Điều 88 Luật Bảo hiểm xã hội, Điều 16 Nghị định số 115/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ và Điều 28 Thông tư số 59/2015/TT-BLĐTBXH ngày 29/12/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội...

7. Công văn số 778/BHXH-CSXH ngày 11/3/2020 của Bảo hiểm Xã hội Việt Nam về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 14/2020/NĐ-CP về chế độ trợ cấp đối với nhà giáo đã nghỉ hưu chưa được hưởng chế độ phụ cấp thâm niên trong lương hưu.

Theo đó, Bảo hiểm Xã hội Việt Nam hướng dẫn thực hiện một số nội dung như sau: Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, điều kiện tính hưởng trợ cấp, mức trợ cấp và hồ sơ giải quyết hưởng trợ cấp; Quy trình thực hiện; Lập dự toán và quyết toán; Những điểm cần lưu ý trong tổ chức thực hiện...

8. Quyết định số 378/QĐ-BHXH ngày 11/3/2020 của Bảo hiểm Xã hội Việt Nam ban hành Quy trình tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của Bảo hiểm Xã hội Việt Nam.

Quyết định ban hành kèm theo Quy trình tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của Bảo hiểm Xã hội Việt Nam.



NHỮNG ĐIỀU CẦN BIẾT VỀ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ



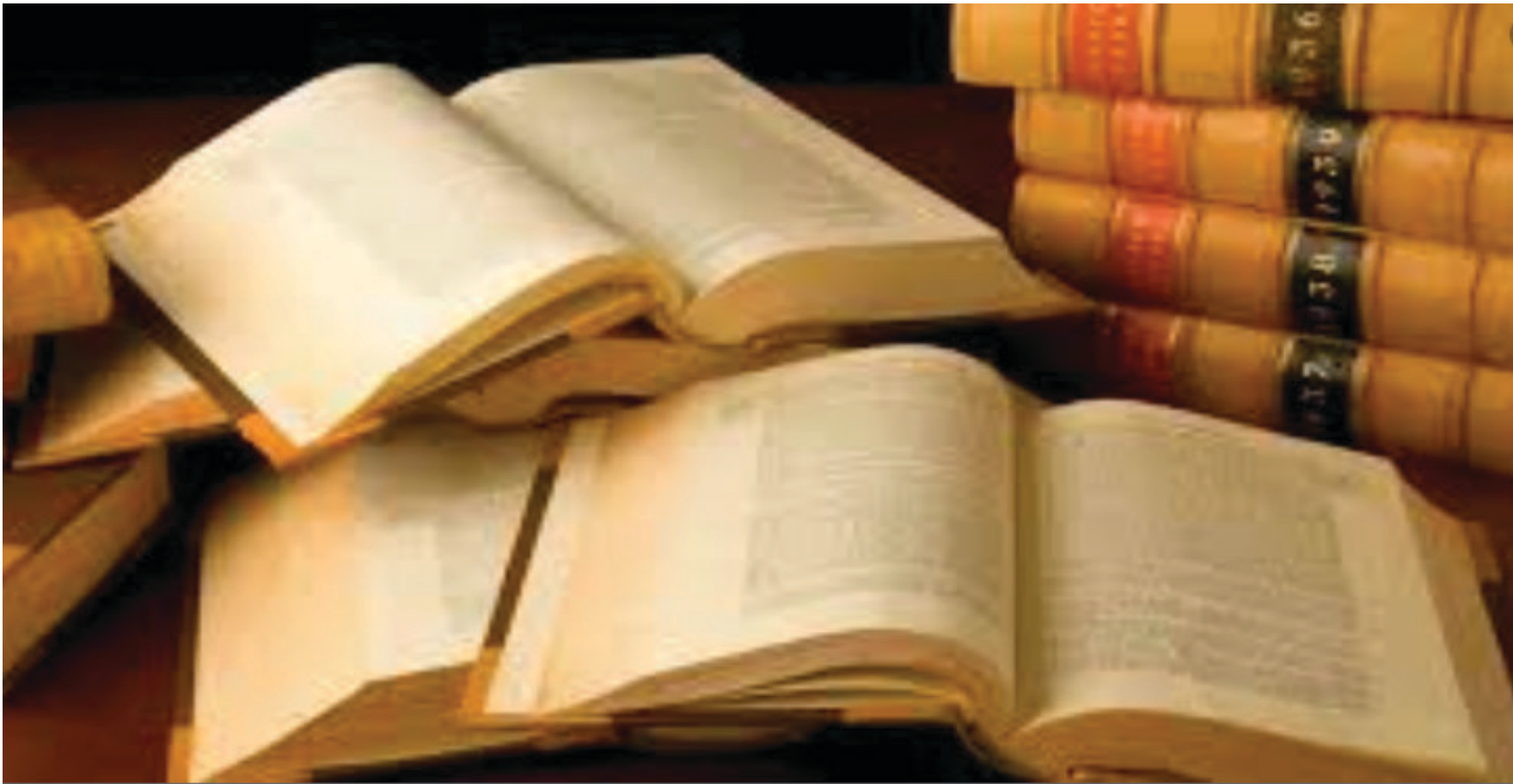
Thông tư số 68/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 30/09/2019 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 119/2018/NĐ-CP về hóa đơn điện tử và có hiệu lực thi hành từ ngày 14/11/2019. Đây là căn cứ pháp luật quan trọng để việc triển khai và sử dụng hóa đơn điện tử diễn được diễn ra nhanh chóng, thuận lợi.

Ban biên tập giới thiệu những nội dung cơ bản, quan trọng của Thông tư số 68/2019/TT-BTC dưới dạng đồ họa để bạn đọc dễ hình dung và thực hiện. Trong số này tiếp tục **Phần 3, 4 - những nội dung cơ bản của Thông tư số 68/2019/TT-BTC.**

Bạn đọc có thể tìm kiếm thêm thông tin tại www.tapchitaichinh.vn.



PHẦN III: SO SÁNH MỘT SỐ NỘI DUNG THÔNG TƯ SỐ 32/2011/TT-BTC VÀ THÔNG TƯ SỐ 68/2019/TT-BTC



NỘI DUNG	Thông tư số 32/2011/TT-BTC	Nghị định số 119/2018/NĐ-CP; Thông tư số 68/2019/TT-BTC
1. Đối tượng áp dụng/ Đối tượng khởi tạo hóa đơn điện tử	Khoản 2 Điều 4 Thông tư 32: “2. Điều kiện của tổ chức khởi tạo hóa đơn Người bán hàng hóa, dịch vụ (sau gọi chung là người bán) khởi tạo hóa đơn điện tử phải đáp ứng điều kiện sau: a) Là tổ chức kinh tế có đủ điều kiện và đang thực hiện giao dịch điện tử trong khai thuế với cơ quan thuế; hoặc là tổ chức kinh tế có sử dụng giao dịch điện tử trong hoạt động ngân hàng. ...”	Điều 6 Thông tư 68 . Áp dụng hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ “1. Các trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế, sử dụng hóa đơn không có mã của cơ quan thuế thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và khoản 6 Điều 12 của Nghị định số 119/2018/NĐ-CP.....”
Diễn giải	Đối tượng áp dụng là tổ chức kinh tế đáp ứng các điều kiện theo quy định .	Đối tượng áp dụng là tất cả người bán hàng hóa, dịch vụ
2. Ký hiệu; định dạng hóa đơn điện tử	Điều 6 Thông tư 32 và Điều 4 và PL1 Thông tư 39 Ví dụ về ký hiệu mẫu, ký hiệu, số hóa đơn: Mẫu số: 01GTKT0/001 Ký hiệu: AA/19E Số: 1234567	-Điều 5 Thông tư 68: “...Định dạng hóa đơn điện tử sử dụng ngôn ngữ định dạng văn bản XML ... Định dạng hóa đơn điện tử gồm hai thành phần: thành phần chứa dữ liệu nghiệp vụ hóa đơn điện tử và thành phần chứa dữ liệu chữ ký số. Đối với hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế thì có thêm thành phần chứa dữ liệu liên quan đến mã cơ quan thuế.” -Điều 3 Thông tư 68 Ví dụ về ký hiệu mẫu, ký hiệu, số hóa đơn: 1C21TAA Số: 12345678
Diễn giải	Không hướng dẫn về định dạng chuẩn dữ liệu hóa đơn điện tử	Có hướng dẫn về định dạng hóa đơn điện tử theo chuẩn là XML; gồm 02 thành phần là: Dữ liệu về nghiệp vụ hóa đơn và dữ liệu chữ ký số.



NỘI DUNG	Thông tư số 32/2011/TT-BTC	Nghị định số 119/2018/NĐ-CP; Thông tư số 68/2019/TT-BTC
3. Chữ ký điện tử người bán trên hóa đơn điện tử	Tiết e Khoản 1 Điều 6: <i>“e) Chữ ký điện tử theo quy định của pháp luật của người bán; ngày, tháng năm lập và gửi hóa đơn. ...”</i>	Tiết e K1 Đ 3 Thông tư 68: <i>“e) Thời điểm lập hóa đơn điện tử</i> <i>Thời điểm lập hóa đơn điện tử xác định theo thời điểm người bán ký số, ký điện tử trên hóa đơn được hiển thị theo định dạng ngày, tháng, năm (ví dụ: ngày 30 tháng 4 năm 2019) và phù hợp với hướng dẫn tại Điều 4 Thông tư này. ”</i>
Diễn giải	Không hướng dẫn cụ thể về việc hiển thị ngày ký trên hóa đơn điện tử theo định dạng ngày, tháng, năm.	Có hướng dẫn cụ thể về việc hiển thị ngày ký trên hóa đơn điện tử theo định dạng ngày, tháng, năm và phù hợp với thời điểm lập hóa đơn.
4. Phân loại hóa đơn điện tử có mã/ không mã	-	Điều 6 Thông tư 68 . Áp dụng hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ <i>“1. Các trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế, sử dụng hóa đơn không có mã của cơ quan thuế thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và khoản 6 Điều 12 của Nghị định số 119/2018/NĐ-CP....”</i>
Diễn giải	Thông tư 32 không phân loại hóa đơn điện tử có mã và không có mã.	Thông tư 68 có phân loại hóa đơn điện tử có mã và không có mã.



NỘI DUNG	Thông tư số 32/2011/TT-BTC	Nghị định số 119/2018/NĐ-CP; Thông tư số 68/2019/TT-BTC
<p>5. Xử lý hóa đơn điện tử đã lập bị sai sót</p>	<p>Điều 9 Thông tư 32: <i>“1. Trường hợp hóa đơn điện tử đã lập và gửi cho người mua nhưng chưa giao hàng hóa, cung ứng dịch vụ hoặc hóa đơn điện tử đã lập và gửi cho người mua, người bán và người mua chưa kê khai thuế, nếu phát hiện sai thì chỉ được hủy khi có sự đồng ý và xác nhận của người bán và người mua. ... Người bán thực hiện lập hóa đơn điện tử mới theo quy định tại Thông tư này để gửi cho người mua, trên hóa đơn điện tử mới phải có dòng chữ “hóa đơn này thay thế hóa đơn số..., ký hiệu, gửi ngày tháng năm. 2. Trường hợp hóa đơn đã lập và gửi cho người mua, đã giao hàng hóa, cung ứng dịch vụ, người bán và người mua đã kê khai thuế, sau đó phát hiện sai sót thì người bán và người mua phải lập văn bản thỏa thuận có chữ ký điện tử của cả hai bên ghi rõ sai sót, đồng thời người bán lập hoá đơn điện tử điều chỉnh sai sót. ...”</i></p>	<p>Điều 11, Điều 17 Thông tư 68 <i>“Điều 11. Xử lý hóa đơn điện tử có sai sót sau khi cấp mã 1.Trường hợp người bán phát hiện hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế chưa gửi cho người mua có sai sót thì” “Điều 17. Xử lý đối với hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế đã lập 1. Trường hợp hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế đã gửi cho người mua có phát hiện sai sót thì xử lý như sau:...”</i></p>
<p>Diễn giải</p>	<p>Hướng dẫn xử lý hóa đơn tùy thuộc việc người bán và người mua chưa kê khai thuế hay đã kê khai thuế</p>	<p>Việc xử lý tùy thuộc vào việc hóa đơn điện tử có mã hay không mã; bên phát hiện sai sót là người bán, người mua hay cơ quan thuế; thời điểm phát hiện sai sót chưa gửi hay đã gửi hóa đơn cho người mua; đã gửi dữ liệu đến cơ quan thuế hay chưa gửi dữ liệu đến cơ quan thuế.</p>
<p>6. Xây dựng quản lý cơ sở dữ liệu hóa đơn điện tử</p>	<p>-</p>	<p>Chương III Thông tư 68: hướng dẫn các nội dung về việc xây dựng, quản lý sử dụng cơ sở dữ liệu hóa đơn điện tử</p>
<p>Diễn giải</p>	<p>Thông tư 32 không quy định về việc phải xây dựng quản lý về cơ sở dữ liệu hóa đơn điện tử</p>	<p>Việc xây dựng cơ sở dữ liệu về hóa đơn điện tử giúp cơ quan thuế có đầy đủ cơ sở dữ liệu về hóa đơn bán hàng hóa dịch vụ của người nộp thuế (đối chiếu được hóa đơn)</p>



NỘI DUNG	Thông tư số 32/2011/TT-BTC	Nghị định số 119/2018/NĐ-CP; Thông tư số 68/2019/TT-BTC
7. Thủ tục đăng ký sử dụng HĐĐT	Điều 7 Thông tư 32: “ <i>Tổ chức khởi tạo hóa đơn điện tử trước khi khởi tạo hoá đơn điện tử phải ra quyết định áp dụng hoá đơn điện tử gửi cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp bằng văn bản giấy hoặc bằng văn bản điện tử gửi thông qua cổng thông tin điện tử của cơ quan thuế và chịu trách nhiệm về quyết định này (theo Mẫu số 1 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này)...</i> ”	Điều 14 Nghị định 119: Đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế “ <i>1. Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh thuộc trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo quy định tại khoản 1, khoản 3, khoản 4 Điều 12 Nghị định này truy cập vào Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế để đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế.</i> <i>Nội dung thông tin đăng ký theo Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo</i> Điều 20 NĐ 119: Đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế “ <i>1. Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế thuộc trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định này truy cập vào Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế để đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế.</i> <i>Nội dung thông tin đăng ký, thay đổi thông tin đã đăng ký theo Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này...</i> ”
Diễn giải	Tổ chức khởi tạo gửi hồ sơ TBPH trực tiếp tại BPMC bằng bản giấy hoặc qua cổng thông tin điện tử tới cơ quan thuế quản lý trực tiếp.	Tổ chức, DN gửi đăng ký sử dụng HĐĐT qua cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế. Cơ quan thuế gửi thông báo chấp thuận/không chấp thuận trong 1 ngày làm việc qua cổng thông tin của cơ quan thuế.
8. Tra cứu thông tin HĐĐT phục vụ kiểm tra hàng hóa lưu thông trên đường.	Điều 12 Thông tư 32: “ <i>Điều 12. Chuyển đổi từ hóa đơn điện tử sang hóa đơn giấy:</i> <i>1. Nguyên tắc chuyển đổi</i> <i>Người bán hàng hóa được chuyển đổi hóa đơn điện tử sang hóa đơn giấy để chứng minh nguồn gốc xuất xứ hàng hóa hữu hình trong quá trình lưu thông...</i> ”	Điều 29 Nghị định 119; Điều 22 Thông tư 68: “ <i>Điều 29. Tra cứu thông tin hóa đơn điện tử phục vụ kiểm tra hàng hóa lưu thông trên thị trường:</i> <i>1. Khi kiểm tra hàng hóa lưu thông trên thị trường, đối với trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử, cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền truy cập Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế để tra cứu thông tin về hóa đơn điện tử phục vụ yêu cầu quản lý, không yêu cầu cung cấp hóa đơn giấy...</i> ”
Diễn giải	Người bán chuyển đổi HĐĐT sang hóa đơn giấy để chứng minh nguồn gốc xuất xứ hàng hóa hữu hình trong quá trình lưu thông.	Cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền truy cập Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế để tra cứu thông tin về HĐĐT phục vụ kiểm tra hàng hóa lưu thông.



NỘI DUNG	Thông tư số 32/2011/TT-BTC	Nghị định số 119/2018/NĐ-CP; Thông tư số 68/2019/TT-BTC
<p>9. Tổ chức cung cấp dịch vụ HĐĐT</p>	<p>Điều 5 Thông tư 32: <i>“Điều 5. Điều kiện của tổ chức trung gian cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử</i> <i>Tổ chức trung gian cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử phải đáp ứng các điều kiện sau:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Là DN hoạt động tại Việt Nam có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ... trong lĩnh vực công nghệ thông tin hoặc là ngân hàng được cung cấp dịch vụ giao dịch điện tử trong hoạt động ngân hàng. - Có chương trình phần mềm ... - Đã triển khai hệ thống cung cấp giải pháp công nghệ thông tin để phục vụ trao đổi dữ liệu điện tử giữa các DN hoặc giữa các tổ chức với nhau. - Có hệ thống thiết bị, kỹ thuật - Có khả năng phát hiện, cảnh báo và ngăn chặn các truy nhập bất hợp pháp... - Có các quy trình và thực hiện sao lưu dữ liệu, sao lưu trực tuyến dữ liệu, khôi phục dữ liệu; có biện pháp dự phòng khắc phục sự cố liên quan đến việc khôi phục dữ liệu . - Có giải pháp lưu trữ kết quả các lần truyền nhận giữa các bên tham gia giao dịch; lưu trữ hóa đơn điện tử với yêu cầu thông điệp dữ liệu điện tử phải được lưu giữ trên hệ thống. - Định kỳ 6 tháng một lần, tổ chức trung gian cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử phải có văn bản báo cáo cơ quan thuế (theo Mẫu số 3 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này) các nội dung sau: danh sách các DN có sử dụng giải pháp hóa đơn điện tử của tổ chức (bao gồm cả người bán hàng, người mua hàng); số lượng hóa đơn đã sử dụng (gồm: loại hóa đơn, ký hiệu hóa đơn, ký hiệu mẫu, số thứ tự).” 	<p>Điều 23 Thông tư 68: <i>“Điều kiện của tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử</i></p> <p>1. <i>Tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử phải đáp ứng các điều kiện sau:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> a) <i>Về chủ thể: có kinh nghiệm trong việc xây dựng giải pháp công nghệ thông tin và giải pháp trao đổi dữ liệu điện tử giữa các tổ chức, cụ thể:</i> ... b) <i>Về tài chính: có cam kết bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp của tại Việt Nam với giá trị trên 5 tỷ đồng để giải quyết các rủi ro và bồi thường thiệt hại có thể xảy ra trong quá trình cung cấp dịch vụ.</i> c) <i>Về nhân sự:</i> d) <i>Về kỹ thuật: ...</i> <p>2. <i>Hướng dẫn tại Khoản 1 Điều này áp dụng đối với tổ chức cung cấp dịch vụ truyền, nhận dữ liệu hóa đơn dịch vụ, tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế và tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế.”</i></p>
<p>Diễn giải</p>	<p>Đã quy định về một số điều kiện khởi tạo HĐĐT, tuy nhiên, chưa cụ thể về các tiêu chí như: về năng lực, về tài chính...</p>	<p>Điều kiện cụ thể, chặt chẽ, nhiều yếu tố. Đảm bảo quyền lợi cho doanh nghiệp, người nộp thuế ký hợp đồng áp dụng hóa đơn điện tử với các tổ chức này.</p>



PHẦN IV. HỖ TRỢ NGƯỜI NỘP THUẾ TRIỂN KHAI ÁP DỤNG HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ





1. TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

**Nghị quyết
01/NQ-CP
ngày
01/01/2019**

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ về việc “...Mở rộng áp dụng hóa đơn điện tử, cơ bản hoàn thành trong năm 2019 ở Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh và các thành phố lớn.”

**Thông báo
27/TB-VPCP
Thông báo
259/TB-VPCP**

Thực hiện Thông báo kết luận của Phó Thủ tướng Vương Đình Huệ số 27/TB-VPCP ngày 22/01/2019 và số 259/TB-VPCP ngày 25/07/2019: “...*bảo đảm hoàn thành áp dụng hóa đơn điện tử trong năm 2019 ở Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh và các đô thị lớn.*”

**Công văn
73552/CT-VP
ngày
20/9/2019**

“*Triển khai mở rộng đề án hóa đơn điện tử trong toàn Cục Thuế ngay trong năm 2019, đảm bảo đúng tiến độ theo yêu cầu của Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế*”.





2. Thành lập Tổ chỉ đạo, tổ triển khai

Thành lập Tổ chỉ đạo, Tổ triển khai, trong đó đồng chí Cục trưởng Cục Thuế trực tiếp là tổ trưởng, đồng chí Phó Cục trưởng giữ vai trò Tổ phó thường trực và các đồng chí thành viên là Trưởng các phòng thanh kiểm tra thuế, các phòng chức năng (Tuyên truyền hỗ trợ, Công nghệ thông tin, Kê khai - kế toán thuế, Tài vụ quản trị) và các đồng chí Chi cục trưởng Chi cục Thuế quận, huyện, thị xã trên địa bàn.





3. Mở mới chuyên mục "HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ"

Cục Thuế TP. Hà Nội đã mở mới chuyên mục "HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ" trên website để tập trung tuyên truyền các nội dung về chính sách thuế, các hoạt động của Cục Thuế TP. Hà Nội liên quan đến hóa đơn điện tử.

Ảnh hoạt động



Đồng chí Nguyễn Văn Hồ, Phó bí thư Đảng ủy Cục Thuế TP Hà Nội trao Giấy



Chi cục Thuế Tây Hồ sẵn sàng hỗ trợ NNT thực hiện OTT



Chi cục Thuế Bắc Từ Liêm sẵn sàng triển khai Tháng đồng hành cùng NNT thực



Từ ngày 05/3/2018 đến ngày 05/4/2018, Cục Thuế TP Hà Nội đã tổ chức



**ĐỒNG HÀNH
CÙNG DOANH NGHIỆP
KHỞI NGHIỆP**





4. Hỗ trợ doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử

1

Hỗ trợ tại bộ phận một cửa: cán bộ trực tại bộ phận một cửa của Văn phòng Cục và các chi cục thuế để hướng dẫn người nộp thuế đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử.

2

Hỗ trợ qua điện thoại, email: các phòng Thanh tra – Kiểm tra thuế, Công nghệ thông tin, Kế toán thuế, Tuyên truyền hỗ trợ người nộp thuế và các Chi cục Thuế đều có 01 số điện thoại cố định, 01 số điện thoại di động, email để tiếp nhận và hướng dẫn người nộp thuế đăng ký sử dụng HĐĐT.

3

Danh sách số điện thoại (cố định, di động) và email hỗ trợ của các phòng, chi cục thuế được đăng tải trên Website Cục Thuế TP. Hà Nội



4. Hỗ trợ doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử

g bảo mật | hanoi.gdt.gov.vn/wps/portal/!ut/p/z1/tZNRb4IwEMc_jY_kWqhQHzFxGdNNpwOkLwZKhW5ScFad334Qn-aGbDHry6XJ_6_6_UOGCyBqfggs1jLUswb-h4



TỔNG CỤC THUẾ - BỘ TÀI CHÍNH

CỤC THUẾ THÀNH PHỐ HÀ NỘI



Trang chủ
Giới thiệu
Tin tức
Hệ thống văn bản Cục Thuế
Hệ thống văn bản ngành Thuế
Thủ tục hành chính
Hỏi đáp
Dịch vụ công

Hóa đơn điện tử

Một số nội dung nổi bật tại Thông tư 68/2019/TT-BTC ngày 30/09/2019 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 119/2018/NĐ-CP về hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ (11/10/2019)

Ngày 30/09/2019, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 68/2019/TT-BTC hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 119/2018/NĐ-CP về hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Thông tư số 68/2019/TT-BTC gồm 5 Chương, 27 Điều, 2 phụ lục và có hiệu lực từ ngày 14/11/2019.

[DANH SÁCH SỐ ĐIỆN THOẠI CỐ ĐỊNH, ĐIỆN THOẠI DI ĐỘNG, EMAIL HỖ TRỢ DN SỬ DỤNG HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ \(09/08/2019\)](#)

Một số vướng mắc về sử dụng hóa đơn điện tử (22/05/2019)

Việc sử dụng hóa đơn điện tử (HĐĐT) khi bán hàng hóa, dịch vụ mang lại nhiều lợi ích cho người sử dụng về thời gian và chi phí, đồng thời giúp cơ quan thuế kiểm soát tốt hơn. Trong quá trình sử dụng HĐĐT, NNT có thể gặp phải vấn đề vướng mắc cần được giải đáp. Cơ quan thuế đã tổng hợp một số vướng mắc thường gặp để NNT có thể tham khảo trong từng trường hợp cụ thể như sau:

Xử lý hóa đơn điện tử đã lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 32/2011/TT-BTC (22/05/2019)

Trường hợp hóa đơn đã lập và gửi cho người mua, đã giao hàng hóa, cung ứng dịch vụ, người bán và người mua đã kê khai thuế, sau đó phát hiện sai sót thì người bán và người mua phải lập văn bản thỏa thuận có chữ ký điện tử của cả 2 bên ghi rõ sai sót, đồng thời người bán lập HĐĐT điều chỉnh sai sót.

Cục Thuế TP Hà Nội: Đồng bộ, hiệu quả, thống nhất trong việc áp dụng hóa đơn điện tử (HĐĐT) trên địa bàn TP Hà Nội (21/05/2019)


Thông báo

- Công khai tháng 10 năm 2019 - Danh sách 608 đơn vị nợ thuế, phí, các khoản liên quan đến đất, tiền phạt, tiền chậm nộp (17/10/2019)
- Tiếp nhận và giải quyết hồ sơ khai thuế TNCN từ hoạt động chuyển nhượng nhà ở (17/10/2019)
- Công khai tháng 9 năm 2019 - Danh sách 701 đơn vị nợ thuế, phí, tiền thuê đất, tiền phạt, tiền chậm nộp (16/09/2019)
- Thông báo v/v không tính tiền chậm nộp thuế của Công ty TNHH Phú Thái Bình - MST: 0500457242 (19/08/2019)
- Công khai tháng 8 năm 2019 - Danh sách 228 đơn vị nợ thuế, phí, các khoản liên quan đến đất, tiền phạt, tiền chậm nộp

p/z1/.../L2dBISEvZ0FBIS9nQSEH?1dmy&page=Z6_049IL8VSOJDB70IERMA7G920M6&uril=wcm%3apath%3a%2Fhanoi%2Fsite%2Fchuyenmuc%2Fhdtd%2F1f680b9b-000d-43ea-b6c6-8f47



4. Hỗ trợ doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử



TỔNG CỤC THUẾ - BỘ TÀI CHÍNH
CỤC THUẾ THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Giới thiệu | Tin tức | Hệ thống văn bản Cục Thuế | Hệ thống văn bản ngành Thuế | Thủ tục hành chính

Tin Cục Thuế | Thông tin kinh tế | Thông báo

Cục thuế » Các chuyên mục » Hóa đơn điện tử

DANH SÁCH SỐ ĐIỆN THOẠI CÓ ĐỊNH, ĐIỆN THOẠI DI ĐỘNG, EMAIL HỖ TRỢ DN SỬ DỤNG HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ
Ngày 09/08/2019

DANH SÁCH SỐ ĐIỆN THOẠI CÓ ĐỊNH, ĐIỆN THOẠI DI ĐỘNG, EMAIL HỖ TRỢ DN SỬ DỤNG HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

STT	Đơn vị	Điện thoại cố định	Điện thoại di động	Email
1	Phòng Tuyên truyền - Hỗ trợ NNT	02437622243/02438512436/02435146119	0979200375/ 0967801088	phttt.han@gdt.gov.vn
2	Phòng Kế khai & Kế toán thuế	02435123636-3268	0989210987	nvhai02.han@gdt.gov.vn
3	Phòng CNTT	024.35123339 may lẻ 3065/3069/3078		hoadondientu.han@gdt.gov.vn
4	Phòng Thanh tra-Kiểm tra		0983230381/	Ptson.han@gdt.gov.vn/DtDun



5. Danh sách các nhà cung cấp

Cục Thuế TP. Hà Nội lựa chọn phối hợp đối với các tổ chức cung cấp dịch vụ về hóa đơn điện tử cơ bản đáp ứng 3 tiêu chí.

Cục Thuế TP. Hà Nội kiểm soát chất lượng dịch vụ, chất lượng kết nối cơ sở dữ liệu của các tổ chức cung cấp, bổ sung các đơn vị đáp ứng và loại trừ các đơn vị không đáp ứng tiêu chí; cập nhật định kỳ hàng tuần trên website danh sách các tổ chức cung cấp tiếp tục phối hợp với Cục Thuế.

The screenshot shows the website of the Hanoi Tax Authority. At the top, there are navigation tabs: "Giới thiệu", "Tin tức", "Hệ thống văn bản Cục Thuế", and "Hệ thống văn bản ngành T". Below the navigation, there is a main content area with a large image of a meeting. The meeting is titled "Cục Thuế TP Hà Nội họp triển khai HĐĐT đợt 1 với 09 tổ chức cung cấp dịch vụ về hóa đơn điện tử (19/10/2019)". Below the image, there is a news article with the following text: "Ngày 16/10/2019, Cục Thuế TP Hà Nội đã mời họp đợt 1 đối với một số tổ chức cung cấp dịch vụ về hóa đơn điện tử. Cục Thuế sẽ tiếp tục kiểm soát chất lượng dịch vụ trong quá trình triển khai của các tổ chức cung cấp, sẽ loại trừ ra khỏi danh sách phối hợp với Cục Thuế đối với các tổ chức cung cấp không đáp ứng các tiêu chí nêu trên và tiếp tục bổ sung các đơn vị đáp ứng các tiêu chí để triển khai đợt 2, 3...". To the right of the main content, there are sections for "VĂN BẢN MỚI" and "TIN MỚI". The "VĂN BẢN MỚI" section lists several circular letters (công văn) with their numbers and dates, such as "công văn số 78406/V/v chính sách thuế bảo đảm (15/10/2019)", "công văn số 78923/V/v hướng dẫn về h (17/10/2019)", "công văn số 78922/V/v thuế nhà thầu (17/10/2019)", "công văn số 78920/V/v hóa đơn chứng từ", and "công văn số 78848/V/v chỉ thị hỗ trợ tổ". The "TIN MỚI" section lists several news items, including "Cục Thuế TP Hà Nội", "Bộ Tài chính triển kh", "Tăng cường các gi", "Thiệp chúc mừng củ", and "Tổng cục Thuế phát".

03 tiêu chí

- (1) Đủ năng lực đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 5 Thông tư số 32/2011/TT-BTC ngày 14/03/2011, tiệm cận đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 23 Thông tư số 68/2019/TT-BTC ngày 30/09/2019;
- (2) Có kinh nghiệm triển khai, có số lượng lớn (trên 100) khách hàng lớn sử dụng dịch vụ HĐĐT;
- (3) Có chia sẻ kết nối cơ sở dữ liệu với cơ quan Thuế.



THÔNG TIN CẦN QUAN TÂM

TRIỂN KHAI KHOANH, XÓA NỢ THUẾ, CÁC ĐỐI TƯỢNG NỘP THUẾ ĐƯỢC XỬ LÝ NỢ THUẾ

Bạn đọc có thể tìm kiếm thêm thông tin tại www.tapchitaichinh.vn.



Bộ Tài chính ban hành chỉ thị về triển khai khoan, xóa nợ thuế

Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ban hành Chỉ thị số 03/CT-BTC ngày 19/3/2020 về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 94/2019/QH14 của Quốc hội về khoan nợ tiền thuế, xóa nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp đối với người nộp thuế không còn khả năng nộp ngân sách nhà nước (NSNN), đồng thời, có công văn gửi bí thư tỉnh ủy, chủ tịch UBND các tỉnh, thành phố để nghị phối hợp triển khai thực hiện Nghị quyết.

Thành lập Ban chỉ đạo triển khai trong tháng 4/2020

Chỉ thị số 03/CT-BTC nêu rõ, Nghị quyết của Quốc hội là văn bản quy phạm pháp luật, cơ sở pháp lý cho việc thực hiện xử lý nợ không còn khả năng nộp NSNN. Việc xóa nợ phải căn cứ vào đối tượng, đáp ứng các điều kiện cụ thể về hồ sơ, thủ tục và đặc biệt liên quan đến nhiều đối tượng nộp thuế (đã chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự, giải thể, phá sản, không còn sản xuất kinh doanh, không còn khả năng nộp NSNN), nên công tác tổ chức, triển khai phải có sự tham gia, phối hợp chặt chẽ của các cơ quan, ban ngành, chính quyền các cấp.

Để triển khai hiệu quả, thống nhất trong cả nước, Bộ trưởng Bộ Tài chính Đinh Tiến Dũng yêu cầu, trong tháng 4/2020, Tổng cục Thuế chủ trì, phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ thành lập Ban chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết xử lý nợ tại Tổng cục Thuế (BCĐ Tổng cục Thuế) do Tổng cục trưởng làm trưởng ban.

BCĐ Tổng cục có trách nhiệm xây dựng chương trình, kế hoạch, tiến độ và các biện pháp để triển khai thực hiện Nghị quyết; hướng dẫn, kiểm tra các cục thuế thực hiện; phát hiện và chủ động xử lý theo thẩm quyền hoặc đề



xuất trình Bộ Tài chính các vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai. Hàng quý, BCĐ Tổng cục tổng hợp tình hình thực hiện của các cục thuế, chủ động hoặc đề xuất Bộ Tài chính xử lý các vướng mắc phát sinh...

Bộ trưởng Đinh Tiến Dũng giao cục trưởng cục thuế các tỉnh, thành phố trong tháng 4 thành lập BCĐ triển khai thực hiện Nghị quyết xử lý nợ ở địa phương do Cục trưởng làm trưởng ban. BCĐ có trách nhiệm tham mưu, đề xuất UBND địa phương chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết và chỉ thị này; triển khai thực hiện nghiêm các chương trình, kế hoạch và hướng dẫn của BCĐ Tổng cục Thuế, bảo đảm đúng tiến độ, nội dung. Trước ngày 1/7/2020, BCĐ tại các cục thuế chỉ đạo thực hiện rà soát, phân loại nợ theo từng địa bàn, từng đối tượng, bảo đảm chính xác; lập văn bản xác nhận giữa cơ quan thuế với UBND xã về việc người nộp thuế không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký.

Ban hành thông tư hướng dẫn trước 15/5/2020

Về xây dựng, hoàn thiện văn bản pháp luật hướng dẫn thực hiện Nghị quyết xử lý nợ, Bộ trưởng Bộ Tài chính giao Tổng cục Thuế chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan rà soát, hoàn thiện dự thảo thông tư về hồ sơ và trình tự thủ tục khoan nợ tiền thuế, xóa nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp ban hành trước 15/5/2020.

Cục trưởng Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trực tiếp chỉ đạo công tác rà soát hồ sơ, phân loại nợ từng đối tượng được xử lý nợ được quy định trong Nghị quyết của Quốc hội bảo đảm chính xác, đúng đối tượng, đồng thời chịu trách nhiệm tính chính xác của số liệu trên hồ sơ. Trên cơ sở rà soát và xuất phát từ thực tiễn quản lý, nghiên cứu tham mưu cho Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có ý kiến tham gia với Bộ Tài chính trong việc quy định cụ thể về thành phần hồ sơ và trình tự thủ tục khoan nợ tiền thuế, xóa nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp để đảm bảo xử lý nợ chặt chẽ và khả thi trong quá trình thực hiện.

Địa phương vào cuộc phối hợp với ngành Tài chính

Cùng ngày ban hành Chỉ thị số 03/CT-BTC, Bộ trưởng Bộ Tài chính có Công

văn số 3147/BTC-TCT gửi bí thư tỉnh ủy, chủ tịch UBND các tỉnh, thành phố đề nghị phối hợp triển khai thực hiện Nghị quyết xử lý nợ thuế.

Theo đó, Bộ Tài chính đề nghị các bí thư, chủ tịch UBND các tỉnh, thành phố giao nhiệm vụ cụ thể cho UBND cấp dưới, cơ quan chuyên môn triển khai, đảm bảo sự phối hợp đồng bộ, thống nhất với cơ quan thuế trong việc lập hồ sơ, xác nhận, xử lý nợ; phân loại nợ theo từng địa bàn, đối tượng, bảo đảm chính xác và lập văn bản xác minh tình trạng hoạt động của người nộp thuế tại địa chỉ đã đăng ký; tuyên truyền phổ biến và tập huấn, đào tạo các nội dung của Nghị quyết và các văn bản hướng dẫn thực hiện; công khai quy trình, thủ tục xử lý nợ; tổ chức bộ phận hỗ trợ, hướng dẫn thủ tục, hồ sơ xử lý; nắm bắt vướng mắc, báo cáo Bộ Tài chính và Tổng cục Thuế tháo gỡ những vấn đề vượt thẩm quyền.

Bí thư, chủ tịch UBND các tỉnh, thành phố chỉ đạo các cơ quan liên quan phối hợp chặt chẽ, tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan thuế lập hồ sơ xử lý nợ và xác minh tình trạng hoạt động của người nộp thuế tại địa chỉ đăng ký, liên lạc; sở kế hoạch và đầu tư, cơ quan đăng ký kinh doanh cung cấp thông tin và phối hợp với cơ quan thuế thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, hộ kinh doanh không còn hoạt động.

Đồng thời, phối hợp với cơ quan thuế để thu hồi lại số nợ tiền thuế, tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp đã được xóa khi người nộp thuế quay lại sản xuất kinh doanh hoặc thành lập doanh nghiệp mới. Cơ quan công an thực hiện tốt quy chế phối hợp trong phòng, chống trốn thuế, chây ì không nộp tiền thuế, chiếm đoạt tiền thuế, không chấp hành các biện pháp cưỡng chế thuế; rà soát hồ sơ người nộp thuế đã chết, mất tích, bị tòa án tuyên bố đã chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự hoặc đi khỏi nơi cư trú; xác minh thông tin người nộp thuế không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký kinh doanh, liên lạc...

T. Huyền



7 nhóm đối tượng nộp thuế được xử lý nợ theo Nghị quyết số 94/2019/QH14

Theo Nghị quyết số 94/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội, đối tượng được xử lý nợ là người nộp thuế nợ tiền thuế, nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp phát sinh trước ngày 1/7/2020 không còn khả năng nộp ngân sách sẽ được xử lý nợ theo quy định.

Theo đó, 7 nhóm đối tượng được xử lý nợ gồm:

Một là, người nộp thuế (NNT) là người đã chết, người bị Tòa án tuyên bố là đã chết, mất tích hoặc mất năng lực hành vi dân sự.

Hai là, NNT có quyết định giải thể gửi cơ quan quản lý thuế, cơ quan đăng ký kinh doanh để làm thủ tục giải thể, cơ quan đăng ký kinh doanh đã thông báo NNT đang làm thủ tục giải thể trên hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp nhưng NNT chưa hoàn thành thủ tục giải thể.

Ba là, NNT đã nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản hoặc đã bị người có quyền, nghĩa vụ liên quan nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản theo quy định của pháp luật về phá sản.

Bốn là, NNT không còn hoạt động kinh doanh tại địa chỉ kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan quản lý thuế đã phối hợp với UBND xã, phường, thị trấn nơi NNT có trụ sở hoặc địa chỉ liên lạc để kiểm tra, xác minh thông tin NNT không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký kinh doanh, địa chỉ liên lạc đã đăng ký với cơ quan quản lý thuế.

Năm là, NNT đã bị cơ quan quản lý thuế có văn bản đề nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi hoặc đã bị cơ quan có thẩm quyền thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy phép hành nghề theo quy định của cơ quan quản lý thuế.



Sáu là, NNT bị thiệt hại vật chất do thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ.

Bảy là, NNT cung ứng hàng hóa, dịch vụ được thanh toán trực tiếp bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, bao gồm cả nhà thầu phụ được quy định trong hợp đồng ký với chủ đầu tư và được chủ đầu tư trực tiếp thanh toán nhưng chưa được thanh toán.

Nghị quyết số 94/2019/QH14 có hiệu lực thi hành từ ngày 1/7/2020 và được tổ chức thực hiện trong thời hạn 3 năm kể từ ngày có hiệu lực.

Minh Hà (t/h)



Hướng dẫn cơ cấu nợ, miễn, giảm lãi vay hỗ trợ doanh nghiệp và người dân bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19

Ngày 12/3/2020, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước (NHNN) ban hành Thông tư số 01/2020/TT-NHNN quy định về tổ chức tín dụng (TCTD), chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 13/3/2020.

Thông tư đảm bảo cơ sở pháp lý hướng dẫn các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi vay, giữ nguyên nhóm nợ cho doanh nghiệp, người dân vay vốn bị thiệt hại do ảnh hưởng của dịch Covid-19.

Quan điểm xây dựng Thông tư là tạo điều kiện tối đa về thẩm quyền trách nhiệm để các TCTD phối hợp cùng với khách hàng vay vốn xem xét quyết định mức độ thời gian, hỗ trợ doanh nghiệp tái cơ cấu các khoản vay, các khó khăn do tác động của dịch bệnh.

Thông tư cũng làm rõ trách nhiệm của các TCTD và khách hàng vay vốn khi thực hiện chính sách hỗ trợ này, đảm bảo đúng đối tượng, tính khách quan và không được lợi dụng.

Thông tư quy định rõ phạm vi áp dụng là số dư nợ gốc và/hoặc lãi (bao gồm cả số dư nợ của các khoản nợ thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.) đáp ứng đầy đủ 3 điều kiện.

Thứ nhất, phát sinh từ hoạt động cho vay, cho thuê tài chính.

Thứ hai, phát sinh nghĩa vụ trả nợ gốc và/hoặc lãi trong khoảng thời gian từ ngày 23/01/2020 đến ngày liền sau 03 tháng kể từ ngày Thủ tướng Chính phủ công bố hết dịch Covid-19.



Thứ ba, khách hàng không có khả năng trả nợ đúng hạn nợ gốc và/hoặc lãi do sụt giảm doanh thu, thu nhập bởi dịch Covid-19.

Về miễn, giảm lãi, phí, Thông tư quy định tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quyết định việc miễn, giảm lãi, phí theo quy định nội bộ đối với số dư nợ phát sinh từ hoạt động cấp tín dụng (trừ hoạt động mua, đầu tư trái phiếu doanh nghiệp) mà nghĩa vụ trả nợ gốc và/hoặc lãi trong khoảng thời gian từ ngày 23/01/2020 đến ngày liền sau 03 tháng kể từ ngày Thủ tướng Chính phủ công bố hết dịch Covid-19 và khách hàng không có khả năng trả nợ đúng hạn nợ gốc và/hoặc lãi do sụt giảm doanh thu, thu nhập bởi dịch Covid-19.

Về giữ nguyên nhóm nợ, Thông tư quy định tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được giữ nguyên nhóm nợ đã phân loại theo quy định của Ngân hàng Nhà nước tại thời điểm gần nhất trước ngày 23/01/2020



trong thời gian cơ cấu lại (trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này) đối với số dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi quy định Thông tư này và tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải thực hiện phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro theo thời hạn đã được cơ cấu lại theo quy định của pháp luật về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mà không phải áp dụng nguyên tắc điều chỉnh vào nhóm nợ có mức độ rủi ro cao hơn.

NHNN quy định cụ thể trách nhiệm của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải ban hành quy định nội bộ về cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, giữ nguyên nhóm nợ theo quy định của Thông tư này để thực hiện thống nhất trong toàn hệ thống, đảm bảo giám sát chặt chẽ, an toàn, phòng ngừa, ngăn chặn việc lợi dụng cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, giữ nguyên nhóm nợ để trục lợi, phản ánh sai lệch chất lượng tín dụng.

NHNN cũng đề nghị các TCTD phải có phương án nghiên cứu phân định loại nợ, xác định nợ, đánh giá nguy cơ nợ xấu tiềm ẩn, hoãn, giãn, tái cơ cấu thời hạn trả nợ, hỗ trợ doanh nghiệp ở tình thế khó khăn. Các TCTD chủ động, chủ trích lập lãi dự thu phải làm theo đúng quy định, chủ động giảm bớt chi phí đặc biệt là chi phí quản lý hành chính.

Riêng đối với Ngân hàng Chính sách xã hội phải xây dựng kịch bản chương trình hành động nhằm hỗ trợ các hộ nghèo, hộ cận nghèo, gặp khó khăn và các đối tượng chính sách bị ảnh hưởng dịch Covid-19...

NHNN đang phối hợp với các bộ, Ngành liên quan tích cực, khẩn trương hoàn thiện hệ thống pháp lý nhằm tạo điều kiện cho cả TCTD và các doanh nghiệp trong việc khắc phục khó khăn, thiệt hại do dịch bệnh gây ra.

M. Hoàng



THÔNG TIN HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ



THỰC THI CÁC HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO THẾ HỆ MỚI

Trong chuyên mục Thông tin hội nhập kinh tế quốc tế, Ban biên tập tập hợp các bài viết của chuyên gia liên quan đến việc Việt Nam triển khai và thực thi các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới (FTA).

Bạn đọc có thể tìm kiếm thêm thông tin tại [www. tapchitaichinh.vn](http://www.tapchitaichinh.vn).



Những cam kết chính về cắt giảm thuế trong EVFTA

Một trong những nội dung quan trọng, cốt lõi của Hiệp định thương mại tự do Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA) là cam kết về nhập khẩu và thuế xuất khẩu giữa các bên. Vấn đề này không chỉ liên quan đến quyền lợi của các quốc gia mà liên quan trực tiếp đến lợi ích của mỗi doanh nghiệp tham gia hoạt động xuất nhập khẩu trong thị trường đối tác này.

Thuế nhập khẩu trong EVFTA

Việt Nam và Liên minh châu Âu (EU) đều áp dụng một biểu thuế nhập khẩu chung cho hàng hóa có xuất xứ của bên còn lại khi nhập khẩu vào lãnh thổ của nhau. Về cơ bản, cắt giảm thuế nhập khẩu theo Hiệp định EVFTA được chia thành các nhóm sau:

Nhóm xóa bỏ thuế nhập khẩu ngay: là nhóm hàng hóa mà thuế nhập khẩu sẽ được xóa bỏ ngay khi Hiệp định EVFTA có hiệu lực.

Nhóm xóa bỏ thuế nhập khẩu theo lộ trình: Thuế nhập khẩu sẽ được đưa về 0% (từ mức thuế cơ sở) sau một khoảng thời gian nhất định (lộ trình).

Theo Hiệp định EVFTA, gần như 100% số dòng thuế và kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của hai bên sẽ được xóa bỏ thuế nhập khẩu sau lộ trình tương đối ngắn. Với EU tối đa là 7 năm và với Việt Nam tối đa là 10 năm. Cá biệt có một số dòng thuế nhạy cảm, Việt Nam đạt được lộ trình xóa bỏ thuế nhập khẩu sau 15 năm.

Nhóm áp dụng hạn ngạch thuế quan (TRQ): Đối với nhóm hàng hóa này, thuế nhập khẩu chỉ được xóa bỏ hoặc cắt giảm đối với một khối lượng hàng hóa nhất định (lượng hàng hóa trong hạn ngạch). Với khối lượng nhập khẩu vượt quá lượng hạn ngạch trong biểu cam kết, mức thuế nhập khẩu áp



dụng sẽ cao hơn, hoặc không được hưởng ưu đãi.

Nhóm hàng hóa không cam kết: Đây là nhóm hàng không cam kết xóa bỏ hoặc cắt giảm thuế nhập khẩu. Việc áp dụng thuế nhập khẩu sẽ theo quy định trong nước của mỗi bên.

Cam kết thuế nhập khẩu của EU

Theo cam kết, ngay khi Hiệp định này có hiệu lực, EU sẽ xóa bỏ thuế nhập khẩu đối với 85,6% số dòng thuế, tương đương 70,3% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang EU.

Tiếp đó sau 07 năm, EU sẽ xóa bỏ thuế nhập khẩu đối với 99,2% số dòng thuế, tương đương 99,7% kim ngạch xuất khẩu của ta.

Đối với 0,3% kim ngạch xuất khẩu còn lại của Việt Nam, EU dành cho ta hạn ngạch thuế quan (TRQ) với thuế nhập khẩu trong hạn ngạch là 0%.

Như vậy, có thể nói 100% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang EU sẽ được xóa bỏ thuế nhập khẩu sau một lộ trình ngắn. Cho đến nay, đây là mức cam kết cao nhất mà một đối tác dành cho ta trong các hiệp định FTA đã được kí kết. Lợi ích này đặc biệt có ý nghĩa khi EU liên tục là một trong hai thị trường xuất khẩu lớn nhất của ta ở thời điểm hiện tại.

Ngoài ra, còn có cam kết cụ thể đối với một số mặt hàng EU quan tâm như: Nhóm mặt hàng ô tô, phụ tùng ô tô, xe máy, thuế nhập khẩu về 0% sau 9 năm với ô tô phân khối lớn, 10 năm với các loại ô tô khác, 7 năm với phụ tùng ô tô, 10 năm với xe máy thường và 7 năm với xe máy trên 150 cm³.

Nhóm mặt hàng rượu vang, rượu mạnh, bia thuế nhập khẩu về 0% sau 7 năm với rượu vang, rượu mạnh, sau 10 năm với bia; Nhóm mặt hàng thịt lợn, thịt gà: thuế nhập khẩu về 0% sau 7 năm với 3 dòng thuế thịt heo đông lạnh và 9 năm đối với các loại thịt heo khác. Đối với thịt gà thì lộ trình xóa bỏ thuế nhập khẩu là 10 năm.

Cam kết thuế nhập khẩu của Việt Nam

Việt Nam cam kết xóa bỏ thuế nhập khẩu đối với 48,5% số dòng thuế, tương

đương 64,5% kim ngạch xuất khẩu của EU ngay khi Hiệp định có hiệu lực.

Tiếp đó, sau 7 năm, 91,8% số dòng thuế tương đương 97,1% kim ngạch xuất khẩu từ EU được Việt Nam xóa bỏ thuế nhập khẩu. Sau 10 năm, mức xóa bỏ này tương ứng là 98,3% số dòng thuế và 99,8% kim ngạch xuất khẩu của EU.

Khoảng 1,7% số dòng thuế còn lại của EU ta áp dụng lộ trình xóa bỏ thuế nhập khẩu dài hơn 10 năm hoặc áp dụng TRQ theo cam kết WTO.

Thuế xuất khẩu trong EVFTA

Về nguyên tắc, Việt Nam và EU cam kết không đánh thuế xuất khẩu đối với hàng hóa khi xuất khẩu từ lãnh thổ một bên sang bên kia. Lí do của cam kết cắt giảm thuế xuất khẩu là nhiều nước trên thế giới coi việc đánh thuế xuất khẩu là một hình thức trợ cấp gián tiếp gây ra cạnh tranh không lành mạnh giữa hàng hóa của các nước.

Trong EVFTA, Việt Nam đã bảo lưu quyền áp dụng thuế xuất khẩu đối với 57 dòng thuế, trong đó có các sản phẩm quan trọng như dầu thô, than đá (trừ than để luyện cốc và than cốc).

Đối với các dòng thuế có mức thuế xuất khẩu hiện hành tương đối cao, Việt Nam cam kết mức trần thuế xuất khẩu về 20% trong thời gian tối đa là 5 năm (riêng quặng mangan có mức trần 10%). Với các sản phẩm khác, Việt Nam cam kết xóa bỏ thuế xuất khẩu theo lộ trình tối đa là 16 năm.

Theo Hiệp định EVFTA, hàng tân trang là hàng hóa được phân loại tại Chương 84, 85, 87, 90 và 9402, ngoại trừ hàng hóa được liệt kê tại Phụ lục 2-A-5 của Hiệp định (Danh mục loại trừ đối với hàng tân trang). Theo đó hàng tân trang được quy định như sau: Được cấu tạo hoàn toàn hoặc một phần từ các bộ phận của sản phẩm đã được sử dụng trước đó; Có tính năng hoạt động và các điều kiện làm việc cũng như tuổi thọ tương tự như sản phẩm mới nguyên bản, và được bảo hành như hàng mới.

Hai bên cam kết sẽ đối xử với hàng tân trang như đối với hàng mới tương tự. Điều này có nghĩa là Việt Nam cho phép nhập khẩu hàng tân trang có xuất xứ EU với mức thuế nhập khẩu, các loại thuế và phí khác tương tự như



hàng mới cùng loại.

Cam kết này không ngăn cản một bên quyền được yêu cầu dán nhãn đối với hàng tân trang nhằm tránh gây sự nhầm lẫn cho người tiêu dùng. Việt Nam có thời gian chuyển đổi là 3 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực để thực thi nghĩa vụ này.

Cơ chế tự chứng nhận xuất xứ theo cam kết trong EVFTA

Bên cạnh cơ chế cấp Giấy chứng nhận xuất xứ (C/O) truyền thống, Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – Liên minh châu Âu (EVFTA) đã thống nhất cho phép nhà xuất khẩu được tự chứng nhận xuất xứ. Đây là cơ chế mà nhà xuất khẩu tự khai xuất xứ của sản phẩm trong bộ tài liệu nộp cho cơ quan hải quan của nước nhập khẩu thay vì phải xin giấy chứng nhận xuất xứ từ các cơ quan chức năng.

Đối với hàng hóa xuất khẩu từ EU

Với lô hàng có trị giá dưới 6.000 EUR, bất kỳ nhà xuất khẩu nào cũng có thể tự chứng nhận xuất xứ.

Với lô hàng có trị giá trên 6.000 EUR, chỉ có nhà xuất khẩu đủ điều kiện (Approved exporters) mới được tự chứng nhận xuất xứ.

Hiện nay, EU đang xây dựng hệ thống nhà xuất khẩu đăng kí (Registered exporters) - là hệ thống cho phép nhà xuất khẩu chỉ cần đăng kí với cơ quan có thẩm quyền là có thể tự chứng nhận xuất xứ. Khi hệ thống này hoàn thiện và được áp dụng, EU sẽ thông báo cho Việt Nam trước khi thực hiện.

Đối với hàng hóa xuất khẩu từ Việt Nam



Hiện nay, Việt Nam chưa chính thức triển khai cơ chế tự chứng nhận xuất xứ. Trong thời gian tới, khi có thể chính thức áp dụng cơ chế này, Việt Nam sẽ ban hành qui định liên quan trong nước và thông báo cho EU trước khi thực hiện.

Dự kiến, nhà xuất khẩu sẽ tự chứng nhận xuất xứ trên một hoá đơn, phiếu giao hàng hoặc bất kỳ chứng từ thương mại nào mô tả sản phẩm liên quan với đủ thông tin để xác định được sản phẩm đó. Chứng từ tự chứng nhận



xuất xứ không phải thể hiện tiêu chí xuất xứ và mã HS hàng hóa nhưng phải có chữ kí của nhà xuất khẩu.

Trong trường hợp nhà xuất khẩu đủ điều kiện có đăng kí với cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu về việc chịu hoàn toàn trách nhiệm với chứng từ tự chứng nhận xuất xứ do họ phát hành thì không phải kí tên trên chứng từ đó.

Bên cạnh đó, việc tự chứng nhận xuất xứ có thể được thực hiện sau khi xuất khẩu hàng hóa với điều kiện chứng từ chứng nhận xuất xứ đó phải được xuất trình tại Bên nhập khẩu không muộn hơn 2 năm hoặc khoảng thời gian được quy định trong luật pháp của Bên nhập khẩu, tính từ khi hàng hóa được nhập khẩu vào lãnh thổ của Bên đó.

Ngoài ra, Việt Nam và EU nhất trí sử dụng mẫu C/O EUR 1 là mẫu chung trong Hiệp định EVFTA. Mẫu EUR 1 yêu cầu thông tin khai báo đơn giản hơn so với mẫu C/O trong các Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN (ATIGA) và các Hiệp định FTA giữa ASEAN với các đối tác ngoại khối mà Việt Nam đã kí kết.

Một số thông tin nhà xuất khẩu được phép lựa chọn khai báo hoặc không khai báo như nhà nhập khẩu, hành trình lô hàng, số hóa đơn thương mại. Về nội dung khai báo, hai bên thống nhất không yêu cầu thể hiện tiêu chí xuất xứ, mã số HS của hàng hóa trên C/O.

Hai bên đồng ý cho phép sản phẩm được quá cảnh và chia nhỏ tại nước thứ

ba ngoài Hiệp định. Cụ thể:

- Sản phẩm đó không được thay đổi hoặc tham gia vào bất kỳ công đoạn gia công nào làm thay đổi sản phẩm, ngoại trừ các công đoạn bảo quản sản phẩm hoặc dán nhãn, nhãn hiệu, dấu niêm phong hoặc thêm các chứng từ khác để đảm bảo việc tuân thủ với các qui định cụ thể của Bên nhập khẩu. Các công đoạn này cần được thực hiện dưới sự giám sát của hải quan nước quá cảnh hoặc chia nhỏ hàng hoá trước khi làm thủ tục nhập khẩu vào nội địa.

- Sản phẩm hoặc lô hàng có thể được lưu kho với điều kiện sản phẩm hoặc lô hàng đó vẫn nằm trong sự giám sát của hải quan nước quá cảnh.

Trong trường hợp có nghi ngờ, cơ quan hải quan nước nhập khẩu có thể yêu cầu nhà nhập khẩu xuất trình các chứng từ chứng minh hàng hóa vẫn nằm trong sự kiểm soát của hải quan nước thứ ba và không bị thay đổi xuất xứ, cụ thể là: Chứng từ vận tải như vận đơn; Chứng từ về việc đánh dấu, đánh số hàng hóa; Chứng từ thực tế hoặc cụ thể về dán nhãn hoặc đánh số kiện hàng; Chứng từ chứng minh hàng hóa như hóa đơn thương mại, hợp đồng mua bán; Chứng nhận của hải quan nước thứ ba về việc hàng hóa không bị thay đổi hoặc chứng từ khác chứng minh hàng hóa vẫn nằm trong sự kiểm soát của hải quan nước quá cảnh hoặc chia nhỏ lô hàng.

Nguồn: Tạp chí Tài chính

